

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 6 - 2018

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Dũng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTG, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: Thôn TT, xã ĐR, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh LMH, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: Số nhà X, Tổ Y, Ấp Z, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã ĐR, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bị đơn thường uống rượu, đánh nguyên đơn nhiều lần; có khi bị đơn cầm dao để chém nguyên đơn, nguyên đơn và các con phải đến nhà người khác ngủ qua đêm. Do không chịu đựng được bạo lực gia đình nên từ cuối năm 2017, nguyên đơn về nhà cha mẹ đẻ tại Lâm Đồng sinh sống và ly thân chồng từ thời gian này đến nay.

- Về con chung chưa thành niên của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có 03 người con là: LCH, sinh ngày 07/10/2009, LTN, sinh ngày 18/12/2010 và LTV, sinh ngày 09/11/2016. Các con đang sinh sống, cư trú với gia đình cha mẹ bên chồng.

Tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Ly hôn và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu LTV; đồng ý giao cháu LCH và LTN cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 02/5/2018, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

- Lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là đúng sự thật. Về mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng: Nhiều lần xảy ra tranh cãi giữa vợ và chồng, do bị đơn có uống rượu và nóng giận thì có lần đánh vợ, cầm dao đuổi theo vợ chỉ đe dọa, không có ý định gây thương tích. Từ Tết Nguyên đán năm 2018 đến nay thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng nay bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

- Về con chung: Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con và không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bị đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1; Điều 39, 147, 203, 205, 227 khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị NTG được ly hôn với anh LMH; Giao cháu LTV, sinh ngày 09/11/2016 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và giao các cháu LCH, sinh ngày 07/10/2009 và LTN, sinh ngày 18/12/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả hai bên; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét; về án phí: Chị G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, trực tiếp nuôi dưỡng con nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa các đương sự được xây dựng, xác lập tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, cho thấy: Sau khi kết hôn, các đương sự sống chung đến khoảng tháng 02/2018, sau thời gian này thì sống ly thân đến nay. Thời gian sống chung, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, có khi bị đơn đã đánh nguyên đơn.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa, bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tình ly hôn này là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Đến nay, cháu LTV chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu V cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là đúng pháp luật; ghi nhận ý kiến của nguyên đơn đồng ý để bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng đối với LCH và LTN. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết;

[2.3] Các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 55; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị NTG.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTG và anh LMH;
- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với cháu LTV, sinh ngày 09/11/2016; bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với cháu LCH, sinh ngày 07/10/2009 và cháu LTN, sinh ngày 18/12/2010. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không giải quyết;

Sau khi ly hôn, các đương sự vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con của mình theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các vấn đề này đương sự không khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009171 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã ĐR, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng (Đăng ký kết hôn số 72, ngày 04/12/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính